

MỘT NGHIÊN CỨU QUYẾT ĐỊNH CÁC NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC TOÀN CẦU LIÊN QUAN ĐẾN KINH THIỆN SANH

TS. Ven Dunukeulle Sarananda

TÓM TẮT

Có thể đoán trước nhận thức qua thế giới hiện tại thể hiện sự phát triển của các nguyên tắc giáo dục chất lượng. Do đó, nổi bật hơn là giáo dục lại các nguyên tắc giáo dục dựa trên các nguyên tắc đạo đức. Tuy nhiên, lời khuyên là liệu những nỗ lực đó có thành công hay không. Vào thế kỷ VI TCN, đức Phật đã từng là người Thầy trong hệ thống giáo dục dựa trên Bharatha. Đây là dấu hiệu của một nguyên tắc về chức năng giáo dục. Nó kết hợp chặt chẽ kiến thức và kỹ năng trong các chính sách giáo dục đương đại.

Do đó, đức Phật được xem là người Thầy tốt nhất trên thế giới. Thông qua các phương pháp mang tính kỹ thuật, đức Phật đã đạt được thành tựu giáo dục ngay lập tức đến giáo dục toàn cầu hiện đại. Ngài không ngừng giáo dục kiến thức mới; Ngài đã thúc đẩy hoàn hảo lý do đến cộng đồng học trò của mình và thuyết giảng Giáo pháp. Nó trở thành một nơi đặc biệt cho kiến thức thế giới mới. Trong sự quán chiếu sâu hơn của văn học kinh điển Phật giáo, một số như vậy có thể được xác định. Tầm quan trọng của một trong những nguồn này là kinh Thiện Sanh. Một trong những nguyên tắc

* Giảng viên, khoa Văn hóa Phật giáo, Khoa Phật học, Đại học Phật giáo và Pali của Sri Lanka, Homagama, Sri Lanka

Người dịch: Thích Trung Sỹ & Thích Trí Dũng

giáo dục đạo đức chất lượng được tạo ra giữa thầy và trò là một ví dụ. Nó xem xét ý nghĩa trên nội dung kinh Thiện Sanh được đề cập ở trên bằng cách sử dụng giáo dục kỹ thuật số hiện đại.

Từ khóa: *Educational Ethics, Education Policies, Global Education, Singalovada Sutta.*

1. LỜI DẠY CƠ BẢN CỦA PHẬT GIÁO

Đức Phật đã qua đời, nhưng giáo lý siêu phàm được Ngài thuyết giảng trong suốt thời gian giáo hóa và phát triển tăng đoàn vững mạnh, Ngài không che dấu mà được truyền lại cho nhân loại, vẫn tồn tại trong sự thuần khiết nguyên sơ của nó. Mặc dù, Đạo sư đã không để lại những ghi chép về giáo lý của mình, nhưng các đệ tử của Ngài đã bảo tồn chúng, bằng cách ghi nhớ và truyền khẩu từ thế hệ này đến thế hệ khác.¹

Đức Phật không thừa nhận tín ngưỡng mà những tín đồ chấp nhận thiếu suy xét. Thay vào đó, đức Phật đã đưa ra một số luật và sự thật cơ bản nhất định mà Ngài đã mời những người theo Ngài kiểm chứng. Một trong những văn truyền thống của Giáo Pháp là “*ehipassiko*” (nghĩa đen là “đến để mà thấy”) đó là một lời kêu gọi để xác minh theo thực nghiệm của Giáo Pháp.

Trong bài thuyết pháp đầu tiên, đức Phật đã xác định Tứ Diệu Đế là hình thành cốt lõi của Giáo pháp. Bốn chân lý này đã nêu rõ các nguyên tắc cơ bản của Giáo pháp. Chúng thường được coi là giáo lý cơ bản nhất của đức Phật. Đức Phật cũng xác nhận ba đặc tính cơ bản (*tilakkhana*) của Pháp. Những nguyên lý cơ bản này, được đức Phật trình bày theo nhiều cách. Hai cách trình bày đã trở nên nổi tiếng. Đó là Tam tướng (*tilakkhana*), có lẽ được diễn tả tốt hơn như là ba quy luật cơ bản và Tứ diệu đế. Sự chấp nhận giá trị của những quy luật và sự thật này, nếu chỉ trong trường hợp đầu tiên như một giả thuyết sự vận hành là điều kiện thiết yếu của một Phật tử. Ngoài ra, đức Phật đã chỉ ra một vài học thuyết khác, quan trọng nhất là nghiệp và tái sinh. Tính giá trị của những học thuyết như vậy đối với một người bình thường khó xác minh hơn, nhưng sự chấp nhận máy móc thì không được cho là một yêu cầu cơ bản của người quy y Tam bảo.

1.1. Ba quy luật cơ bản của đức Phật

Tam tướng và bốn sự thật tạo thành cốt lõi của Giáo pháp. Đồng thời cả hai thay thế và bổ sung lẫn nhau. Tuy nhiên, nó có thể vừa xem xét chúng một cách riêng biệt.

Vô thường

Quy luật vô thường khẳng định rằng tất cả các hiện tượng là không ngừng thay đổi, chúng sanh diệt, và không tồn tại mãi mãi, dù là vật chất hay hiệu ứng. Quy luật vô thường thiết lập sự vô thường như là một định luật cơ bản vạn vật.

Khổ

Quy luật khổ nói rằng tất cả toàn bộ các hiện tượng trong phân tích cuối cùng là khổ. Điều đó có nghĩa rằng không có một vật nào hay trạng thái nào có thể được xem như một tiêu chuẩn vạn vật tốt hay đẹp. Theo nghĩa này thiết lập nên đế thứ nhất của Tứ đế.

Vô ngã

Quy luật thứ ba nói rằng không có bản chất vĩnh viễn, “tự ngã”, bản ngã hoặc linh hồn nào trong các hiện tượng.

1.2. Tứ thánh đế

Tứ thánh đế là kết quả của việc ứng dụng ba định luật cơ bản vào con người. Đức Phật thường xuyên khẳng định rằng Ngài quan tâm đến vấn đề làm giảm bớt khổ đau của con người “Chỉ có một điều Ta dạy, khổ, và làm thế nào để chấm dứt khổ”. Cách tiếp cận vấn đề đau khổ của Phật tương tự như của bác sĩ đối với bệnh nhân của mình. Đầu tiên chuẩn đoán bệnh, sau đó tìm nguyên nhân, tiếp theo tìm xem có cách điều trị được bệnh không. Cuối cùng bác sĩ kê đơn thuốc. Tứ đế tương ứng với bốn bước của quy trình chuẩn đoán- điều trị bệnh này.²

Sự thật về Khổ (khổ đế)

Sự thật này khẳng định rằng quy luật của Khổ được áp dụng cho con người: “Sanh là khổ, già là khổ, chết là khổ; sầu, bi, khổ, ưu và não là khổ; tóm lại ngũ thủ uẩn là khổ”.²

Sự thật về Nguyên nhân khổ (tập đế)

Nguyên nhân của khổ là do tham ái (tanha), nhưng nguyên nhân sâu xa là vô minh (avijja). Các đối tượng của tham ái là đa dạng: thích thú giác quan, của cải vật chất, danh tiếng, quyền lực, danh vọng, bản ngã, tham ái tái sanh, thậm chí tham ái niết bàn (nirvana). Có nhiều mức độ tham ái khác nhau từ một mong muốn nhỏ đến một sự dành giết lấy quyết liệt (upadana). Tham ái là nguyên nhân khổ và chính nó gây ra những yếu tố khác. Công thức đầy đủ của nhân quả được bao hàm trong duyên khởi Phật giáo, nơi các nguyên nhân cho sự tồn tại và khổ được lần theo truy nguyên thông qua một chuỗi mười hai mắc xích, trở về vô minh.

Sự thật về sự diệt khổ (diệt đế)

Sự phát triển sự thật này là “tin tốt” của Phật giáo. Nguyên nhân khổ có thể được làm mất tác dụng. Sự thật này khẳng định rằng một con đường thoát khỏi khổ đau tồn tại, nếu tuân theo sẽ đưa đến một trạng thái không còn đau khổ gọi là niết bàn, có lẽ được biết đến nhiều hơn bởi thuật ngữ tiếng Phạn gọi là Nirvana. Nếu sự thật đầu tiên có thể được xem có một chút “bi quan”, thì sự thật này có đầy đủ hương vị của “sự lạc quan”.

Sự thật về Con đường dẫn đến giác ngộ

Con đường dẫn đến giác ngộ của Phật giáo do đức Phật khám phá thông qua nỗ lực và thực hành cá nhân của chính mình. Nó được gọi là Trung đạo (majjima patipada) bởi vì nó là một đường giữa các thái cực sự hưởng dục lạc và khổ hạnh. Cả hai thái cực của sự thực hành là phổ biến trong thời của đức Phật (quả thực chúng là của chúng ta). Đức Phật gọi những thái cực như vậy là phù phiếm, vô ích, ti tiện. Con đường của đức Phật tránh hai loại hoạt động thường được coi là thiết yếu cho sự cứu rỗi của nhiều hệ thống tôn giáo. Chúng là:

- i. Cầu nguyện đến đáng quyền lực tối cao và trung gian
- ii. Nghi thức và nghi lễ phức tạp.²

Trái lại những điều này được coi là hết sức trở ngại trên con đường chấm dứt đau khổ và đạt được sự sáng suốt và trí tuệ. Trong

khi Tứ thánh đế và Ba quy luật tồn tại chứa đựng chủ yếu của giáo lý đức Phật và được đức Phật thuyết pháp trong bài thuyết pháp đầu tiên, có nhiều học thuyết khác là trung tâm của một hệ thống triết học sâu sắc như Phật giáo. Một vài trong số các khía cạnh của giảng dạy sẽ được đề cập ở đây và một vài trong số này sẽ được xem xét chi tiết ở nơi khác.

1.3. MỤC TIÊU CỦA PHẬT GIÁO VÀ Ý NGHĨA CỦA CUỘC SỐNG

Mục tiêu của Phật giáo là thành tựu của sự hoàn thiện con người, đó phải là mục đích thực sự của cuộc sống. Theo nghĩa này, cuộc sống có ý nghĩa, và cần thông báo những khía cạnh chính của hành động con người. Một người đã đạt được tiến bộ tốt trên con đường Phật giáo sẽ đạt được mức độ hạnh phúc, mãn nguyện và tự do khỏi sự sợ hãi. Đôi khi sự sung túc vật chất được xem là mục tiêu của nhiều người, nhưng những điều này không nhất thiết mang lại hạnh phúc mà đức Phật tìm cách khuyến khích.

Học thuyết Nhân quả

Một trong những giáo lý trung tâm của Phật giáo là tất cả các hiện tượng đều có nguồn gốc và sự tồn tại của chúng là điều kiện tiên quyết các yếu tố. Tất cả mọi thứ là kết quả của một vài nguyên nhân hoặc hành động khác trên sự việc liên quan. Đây là một quan điểm cũng được chia sẻ bởi khoa học hiện đại, vì không có sự vận hành của các nguyên nhân có hệ thống mà phần lớn thành tựu của khoa học hiện đại có lẽ là không thể. Nhưng trong khi khoa học nói chung hạn chế nguyên tắc này đối với các hiện tượng và sự kiện vật lý, trong Phật giáo học thuyết nhân quả coi nhân quả là một đặc điểm trung tâm của tất cả các hiện tượng, ngay cả những hiện tượng phi vật lý không hình thành vấn đề nghiên cứu khoa học.

Học thuyết nhân quả của Phật giáo cần được phân biệt với học thuyết về “nguyên nhân đầu tiên” thường được các nhà hữu thần sử dụng để chứng minh sự tồn tại của Chúa. Học thuyết về nguyên nhân đầu tiên khẳng định rằng vì Chúa được xác định là nguyên nhân đầu tiên (tất cả những người khác được chúa tạo ra) nên

không cần sự giải thích sự tồn tại của Chúa. Đạo Phật thì không đồng ý với quan điểm này và coi nó như một ví dụ khác của ngộ biện (“lươn lẹo”) mà các nhà hữu thần dùng để duy trì quan điểm phi lý của họ.

Học thuyết Duyên khởi

Đây là một trong những khám phá chính của đức Phật trong thời kỳ giác ngộ của Ngài. Nó được trình bày dưới một danh mục mười hai chi phần nên tảng có liên hệ nhân quả với nhau. Vì các liên kết từ một vòng tròn khép kín, chúng có thể phá vỡ chuỗi tại bất kỳ điểm nào. Thứ tự trong danh sách truyền thống như sau:

- | | | |
|-----------------------|---|---------------------------|
| 1. Avijjā | - | Vô minh, |
| 2. Samkhārā | - | Hành, |
| 3. Patisandhi viññāna | - | Thức tái sinh, |
| 4. Nāma – rūpa | - | Danh sắc, |
| 5. Salāyathana | - | Lục nhập, |
| 6. Phassā | - | Xúc, |
| 7. Vadanā | - | Thọ, |
| 8. Tanhā | - | Ái, |
| 9. Upādāna | - | Thủ, |
| 10. Bhava | - | Hữu, |
| 11. Jāti | - | Sinh, |
| 12. Jarā – Marana | - | Già và chết. ³ |

Có nhiều cách khác nhau để giải thích chuỗi này, nhưng chúng tôi sẽ không giải quyết chúng ở đây. Giải thích truyền thống về điều này là nó đại diện cho ba giai đoạn thường được hiểu là thời gian sống. Giai đoạn đầu tiên (quá khứ) bao gồm liên kết 1 và 2; giai đoạn thứ hai (hiện tại) của liên kết 3 đến 10, và giai đoạn thứ ba (tương lai) của liên kết 11 và 12. Trong quá trình đang diễn ra, nếu

hiện tại trở thành và là quá khứ và những gì tương lai trở thành hiện tại. Một giải thích chi tiết về công thức nổi tiếng này không được thực nghiệm ở đây.

Vô ngã

Học thuyết về “vô ngã” gắn liền với Đại thừa hơn là với Theravada. Nếu nó đại diện cho một thuật ngữ khác cho học thuyết “*anatta*”, được mô tả trước đó thì nó không có vấn đề gì mới. Tuy nhiên, một số cách giải thích của Đại thừa có xu hướng theo chủ nghĩa duy tâm triết học và hướng đến quan niệm của Ấn Độ giáo rằng thế giới chỉ là ảo ảnh nhưng cách giải thích như vậy không được Phật giáo tán thành.

Chủ nghĩa nhân văn và Chủ nghĩa duy lý

Phật giáo cơ bản có một số giống nhau với các quan niệm phương Tây về chủ nghĩa nhân văn và chủ nghĩa duy lý. Tuy nhiên, các thuật ngữ này được sử dụng trong nhiều bối cảnh khác nhau, với chủ nghĩa nhân văn gắn liền với một mặt quan niệm hữu thần và các quan hệ duy vật thế tục cực đoan khác. Nhưng nếu chủ nghĩa nhân văn có nghĩa là những gì nó đang thể hiện, đó là tính ưu việt của con người chống lại Thần thánh và khi đó nó phù hợp với phương pháp của Phật giáo. Với chủ nghĩa duy lý là việc áp dụng lý trí và phương pháp khoa học để nghiên cứu có nhiều điểm chung. Một trong những bài kinh cơ bản của đức Phật, bài kinh Kalama trong “Tăng chi bộ kinh” là cái nhìn đúng đắn như là đặc quyền của Phật giáo trong tự do thẩm vấn.

1.4. Nguyên tắc giáo dục của Phật giáo dành cho người Thấy

Hiểu mình trước

Trước khi hướng dẫn người khác phải tìm hiểu kỹ vấn đề. Điều rất quan trọng đối với một người phải trải qua các thực hành tôn giáo. Nếu không có kinh nghiệm cho bản thân, sẽ rất khó có thể hướng dẫn người khác đúng cách.

“Không thể nào, Cunda, một người chìm trong bùn có thể kéo một người khác bị chìm trong bùn”⁴

Không dễ để dạy Giáo pháp cho người khác

Một ngày nọ đức Phật nói “Sự thật, *Ananda*, không dễ để dạy Phật pháp cho người khác. Trong việc giảng dạy Giáo pháp cho người khác, thiết lập tốt năm điều và sau đó giảng dạy. Thế nào là năm điều Dạy Giáo pháp cho người khác giảng dạy?

- Tôi sẽ nói Pháp theo cách từng bước một;
- Tôi sẽ nói với mục đích trí tuệ;
- Tôi sẽ nói với tâm từ;
- Tôi sẽ không nói như một phương tiện lợi lộc;
- Tôi sẽ không nói làm hại ai.

Thật sự, này *Ananda*, không dễ để dạy Pháp cho người khác trong việc dạy Pháp cho người khác, thành lập tốt năm điều này.⁴

Ai sẽ lợi ích trong việc học

Có bốn người được tìm thấy trên thế giới:

- Một người ít dạy mà không được lợi từ việc dạy của mình.
- Một trong số ít người học được lợi ích từ việc học của mình.
- Một trong số lớn người học không nhận được lợi từ việc học của mình.
- Một trong những số lớn người học nhận được lợi ích từ việc học.⁵

Cách mọi người hiểu

- Ugghatianna- một người học bằng cách đưa ra những gợi ý.
- Vipatitanna – một người hiểu sau khi tìm hiểu chi tiết đầy đủ?
- Neyya – một người phải được dẫn dắt bởi những chỉ dẫn có hệ thống?
- Padaparama – một người chỉ học vẹt? ⁶

Học tập và cách trình bày

- Một người hiểu ý nghĩa nhưng không thể giải thích rõ ràng.
- Một người chậm hiểu ý nghĩa nhưng có thể giải thích rõ ràng.
- Một người có cả hai phẩm chất trên?
- Một người không có cả hai phẩm chất trên? ⁷

Cách trả lời câu hỏi

- Theo đức Phật có bốn cách để xử lý câu hỏi:
- Một số nên được trả lời trực tiếp ngắn gọn.
- Một số khác nên được trả lời bằng cách phân tích chúng.
- Tuy nhiên một số khác nên được trả lời bằng cách đặt những câu hỏi ngược lại.

- Và cuối cùng, có những câu hỏi nên được đặt sang một bên bởi vì có những câu trả lời cho những người hỏi nào đó không có quan điểm để hiểu câu trả lời.⁸

Phẩm chất của giảng sư

Ngài *Sariputta* nói, khi một người muốn dạy người khác, hãy để vị ấy thiết lập năm phẩm chất tốt đẹp và sau đó dạy. Hãy để vị ấy suy nghĩ.

- Tôi sẽ nói đúng lúc, không nói sai lúc.
- Tôi sẽ nói về những gì thực tế, không phải về những gì không thực tế.
- Tôi sẽ nói lời hòa nhã, không cay nghiệt.
- Tôi sẽ nói đúng mục đích, không phải về những gì không đúng mục đích.
- Tôi sẽ nói với một tâm trí đầy lòng yêu thương, không phải với một tâm trí chứa đầy sân hận.⁹

1.5. Nguyên tắc giáo dục của Phật giáo dành cho học trò

Hãy xem xét những lời khuyên sau đây trước khi chấp nhận một tôn giáo

Chớ có tin vì nghe báo cáo, truyền thông hoặc tin đồn:

- Cũng không dựa trên thẩm quyền của các bài kinh tôn giáo;
- Cũng không dựa trên lý do và logic đơn thuần;
- Cũng không dựa trên suy luận của chính mình;
- Cũng không phải bất cứ điều gì là đúng;
- Cũng không dựa trên những ý kiến suy lý luận;
- Cũng không phải có khả năng khác;
- Cũng không xem xét lại, vì đây là Thầy của tôi.

Nhưng, này các *Kalamas*, khi nào tự mình biết rõ như sau: các pháp này là bất thiện (*akusala*), các pháp này là đáng chê, hãy từ bỏ chúng... Và khi nào tự mình biết rõ như sau: các pháp này là thiện (*kusala*) và tốt đẹp, hãy chấp nhận và thực hiện chúng.¹⁰

Phân loại học trò thành ba nhóm

Thế Tôn cũng chia những người trong xã hội thành ba:

- Avakujja panna – ít thông minh
- Uchchanga Panna – kém thông minh nhất
- Puttu Panna – thông minh¹¹

Kinh Thiện Sanh

Kinh Thiện Sanh diễn ra nơi đức Phật gặp một thanh niên tên là Sigala khi đi dạo buổi sáng. Chàng trai trẻ trong trang phục ướt đẫm, chắp tay lễ bái các phương hướng: hướng Đông, hướng Tây, hướng Nam, hướng Bắc, hướng Trên, hướng Dưới. Đức Thế Tôn nói với thanh niên vì sao làm vậy, thanh niên Sigala trả lời rằng cha của anh ta mất có dặn anh ta làm như thế và anh ta nghĩ đó là điều tốt để giữ gìn mong ước của cha. Sau đó, đức Phật dạy cho Sigala lễ bái sáu phương như thế nào của bậc Thánh. “Này gia chủ từ, có năm cách học trò phụng dưỡng Thầy như hướng Nam.¹²

1. Đứng dậy để chào,
2. Hào hạ thầy,
3. Hăng hái học tập,
4. Tự phục vụ thầy,
5. Chú ý tôn trọng khi nhận được hướng dẫn.

“Này gia chủ tử, có năm cách người thầy chăm sóc học trò như hướng Nam, thể hiện lòng thương tưởng:

1. Dạy dỗ có phương pháp,
2. Dạy những điều chưa biết,
3. Giải nghĩa rành rõ,
4. Chỉ cho những bạn lành,
5. Cung cấp sự an ổn.

“Như vậy, người thầy chăm sóc học trò như hướng Nam, thể hiện lòng thương tưởng đến học trò theo năm cách. Do đó phương Nam được che chở, được trở thành an ổn.

2. KẾT LUẬN

Thuật ngữ *Buddhism* (Phật giáo) hiện được sử dụng để biểu thị giáo lý của đức Phật, Ngài là con người có lịch sử hưng thịnh vào khoảng 25 thế kỷ trước ở tiểu lục địa Ấn Độ. Giáo lý này được mô tả khác nhau như một tôn giáo, một triết học, một hệ thống tâm lý, một đạo đức- quy tắc đạo đức, một thiết kế kinh tế xã hội, và tương tự. Không nghi ngờ gì, tất cả các khía cạnh này có thể được nhận thấy trong các phần khác nhau của giáo lý đức Phật, nhưng bản thân giáo lý là nhiều hơn tất cả những điều này kết hợp. Thuật ngữ mà Phật tử sử dụng để chỉ định cho giáo lý là *Dhamma* hay Pháp. Thuật ngữ này xuất phát từ một thuật ngữ gốc có nghĩa là “duy trì”, và có nghĩa là định luật cơ bản “nâng đỡ” vũ trụ. Đôi khi nó được dịch đơn giản là định luật hay quy tắc. Nó truyền đạt một số ý tưởng về sự hợp nhất cho toàn bộ giáo lý của đức Phật. Chúng ta sẽ sử dụng các từ *dhamma* và *Phật giáo* như các từ đồng nghĩa.

CHÚ THÍCH

- 1 The Buddha and his teachings, Narada Maha thera, Colombo, 270 p. 1973.
- 2 Basic Buddhism, Dr.victor A. Ganaskara, 3rd edition, 1997.
- 3 The Buddha and his teachings, Narada Maha thera, Colombo, 430p, 1973.
- 4 Tăng chi bộ kinh. III: 183.
- 5 Tăng chi bộ kinh. II: 5.
- 6 Tăng chi bộ kinh. II: 135.
- 7 Tăng chi bộ kinh. II: 135.
- 8 Tăng chi bộ kinh. II: 45.
- 9 Tăng chi bộ kinh. II: 195
- 10 Tăng chi bộ kinh. I: 187
- 11 Tăng chi bộ kinh. I: 240
- 12 https://en.wikipedia.org/wiki/Sigalovada_Sutta